

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 18/01/2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan.

2. Ông Nguyễn Văn Thịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Huỳnh Nh**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG (có mặt).

2. *Bị đơn:*

Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1979. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn MP1, huyện TP1, tỉnh TG1 (có mặt anh Th, chị T xin vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh **Danh Ng**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 50/5C THĐ, Phường C, Thành phố M, tỉnh TG1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh Nh trình bày:**

Ngày 22/4/2022, anh Th và chị T có mượn của anh số tiền 21.000.000đồng. Mục đích mượn để trả lãi Ngân hàng, thời hạn 01 tháng sẽ trả lại cho anh. Anh Th nhận tiền và viết biên nhận cho anh.

Ngày 26/4/2022, anh Th và chị T có mượn của anh số tiền 5.400.000đồng. Mục đích mượn để trả lãi Ngân hàng, thời hạn 01 tháng sẽ trả lại cho anh. Anh Th nhận tiền và viết biên nhận cho anh.

Ngày 04/5/2022, anh Th và chị T có mượn của anh số tiền 617.878.000đồng. Mục đích mượn để trả tiền Ngân hàng tất toán khoản vay lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh Th nhận tiền và viết biên nhận cho anh.

Tổng cộng số tiền anh Th đã mượn của anh là 644.278.000đồng. Sau đó, anh có yêu cầu anh Th và chị T ký lại biên nhận nhưng do lỗi đánh máy ghi ngày 31/3/2022 (thực tế số tiền của biên nhận ngày 31/3/2022 là tổng số tiền của 03 biên nhận ngày 22/4/2022 số tiền 21.000.000đồng, biên nhận ngày 26/4/2022 số tiền 5.400.000đồng và biên nhận ngày 04/5/2022 số tiền 617.278.000đồng). Lúc đầu anh cho anh Th và chị T mượn tiền không tính lãi trong thời hạn 03 tháng nhưng nay đã quá thời hạn trả mà anh Th chị T chưa trả nên anh yêu cầu tính lãi suất từ tháng 5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Phần nợ này là phần nợ khác không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nay yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho anh số tiền nợ gốc là 644.278.000đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ 04/5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh Th và chị T chậm thi hành thì phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn Th trình bày:**

Số tiền 644.278.000đồng theo biên nhận ngày 31/3/2022 thì anh không có

nợ Nguyễn Huỳnh Nh. Số tiền này đã căn trừ vào giá trị thửa đất khi anh thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất số 170 (số thửa mới là 508). Số tiền này anh Nh đã nhận nợ những người khác mà anh thiếu sau đó yêu cầu vợ chồng anh ký biên nhận. Khi chuyển nhượng đất số tiền 3.415.000.000đồng anh không có nhận tiền mà căn trừ biên nhận ngày 31/3/2022 với số tiền 644.278.000đồng, nợ ông S số tiền 1.200.000.000đồng, nợ ông X số tiền 465.000.000đồng, nợ Ngân hàng Liên Việt số tiền 1.512.000.000đồng, số nợ Nguyễn Huỳnh Nh theo biên nhận ngày 26/4/2022 số tiền 5.400.000đồng và biên nhận ngày 22/4/2022 số tiền 21.000.000đồng. Khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong do anh tin tưởng không lấy lại biên nhận cũng như không xé bỏ biên nhận.

Nay anh và chị T không đồng ý trả số tiền 644.278.000đồng và tiền lãi từ tháng 5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm, anh và chị T không có nợ số tiền này.

***Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T do anh Danh Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Anh thống nhất lời trình bày của anh Th. Anh Th và chị T không có nợ anh Nh số tiền 644.278.000đồng, số tiền này đã căn trừ nợ khi anh Nh nhận chuyển nhượng thửa đất của anh Th; thời điểm của các biên nhận này trước khi anh Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến ngày 04/5/2022 thì anh Th và anh Nh ký hợp đồng chuyển nhượng nên đã căn trừ xong các khoản nợ.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Thái và chị Tuyết trả cho anh Nguyễn Huỳnh Nh số tiền 644.278.000đồng và tiền lãi từ tháng 8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai nhận có cho bị đơn vay tiền, bị đơn có viết biên nhận vay tiền; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2022 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh Nh tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Ngọc T có địa chỉ: Khu phố B, thị trấn MP1, huyện TP1, tỉnh TG thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ vụ án: Kèm theo đơn khởi kiện, anh Nh giao nộp biên nhận ngày 31/3/2022 và 03 biên nhận ngày 22/4/2022 số tiền 21.000.000đồng, biên nhận ngày 26/4/2022 số tiền 5.400.000đồng và biên nhận ngày 04/5/2022 số tiền 617.000.000đồng. Anh Th thừa nhận chữ ký của anh Th trong các biên nhận nợ.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với số nợ gốc:

Anh Nguyễn Huỳnh Nh yêu cầu anh Th và chị T trả số tiền 644.278.000đồng. Đây là số tiền anh cho anh Th và chị T vay theo biên nhận ngày 22/4/2022 số tiền 21.000.000đồng, biên nhận ngày 26/4/2022 số tiền 5.400.000đồng và biên nhận ngày 04/5/2022 số tiền 617.278.000đồng; sau đó tổng cộng số nợ lại thì anh Th và chị T có ký biên nhận cho anh nhưng khi anh đánh máy biên nhận ghi nhầm ngày 31/3/2022. Anh Th và chị T không đồng ý với số tiền này vì anh chị có nợ anh Nh nhưng khi chuyển nhượng phần đất cho anh Nh thì anh chị đã cản trừ số nợ này. Anh Nh khai nhận việc chuyển nhượng đất cản trừ các khoản nợ anh Th còn thiếu anh và các khoản nợ anh Th thiếu ông

Phạm Văn S và anh Lê Văn S và khoản nợ Ngân hàng Liên Việt (tiền chuyển nhượng đất là 3.415.000.000đồng cần trừ nợ anh Lê Văn S là 470.000.000đồng, nợ ông Phạm Văn S là 1.800.000.000đồng, anh Th nhận tiền mặt là 250.000.000đồng còn lại số tiền 895.000.000đồng nhưng anh Nh phải trả Ngân hàng Liên Việt 1.512.878.000đồng thay cho anh Thái để lấy giấy đất về làm thủ tục chuyển nhượng nên anh Th chi T thiếu lại anh Nh 617.878.000.000đồng). Khoản nợ 644.278.000đồng là tổng cộng từ các biên nhận ngày 22/4/2022 số tiền 21.000.000đồng, biên nhận ngày 26/4/2022 số tiền 5.400.000đồng và biên nhận ngày 04/5/2022 số tiền 617.278.000đồng, đây là các khoản nợ khác không liên quan gì đến việc chuyển nhượng. Anh Th không chứng minh được số nợ này đã cần trừ trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong và không đồng ý trả số nợ này là không có cơ sở chấp nhận. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 644.278.000đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ kéo dài cho đến nay nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn trả số tiền trên một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất: Anh Nh yêu cầu anh Th và chị T trả lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật từ tháng 5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét việc vay tiền giữa anh Nh và anh Th không thỏa thuận lãi suất, hai bên thỏa thuận 03 tháng trả nhưng anh Th, chị T không trả đúng hạn nên thời hạn tính lãi được tính từ 04/8/2022. Nay anh Nh yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận, mức lãi suất anh Th, chị T phải chịu theo quy định khoản 2 Điều 468 BLDS. Do đó lãi suất anh Th chị T phải chịu là $644.278.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 93.403.000\text{đồng}$.

Tổng cộng nợ gốc và lãi suất anh Th và chị T phải trả cho anh Nh là $644.278.000\text{đồng} + 93.403.000\text{đồng} = 737.681.000\text{đồng}$

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Huỳnh Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh Nh.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho anh Nguyễn Huỳnh Nh số tiền 737.681.000đồng (644.278.000đồng nợ gốc + 93.403.000đồng lãi suất). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th và chị T chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 33.507.200đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Huỳnh Nh không phải chịu án phí DSST. Anh Nh được hoàn lại số tiền 16.275.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020191 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nh, anh Th, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền